

Số: Kon07/2026

Hà Nội, ngày 07 tháng 09 năm 2026

[illegible]

Vĩnh Sơn 4	Mực nước (H, m)									
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)									
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)									
Vĩnh Sơn 5	Mực nước (H, m)				153.30	153.60	154.00	154.45	154.75	154.80
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)				5.00	5.14	4.97	4.73	4.49	4.20
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)					2.14	0.97	0.73	2.49	4.20
Trà Xom 1	Mực nước (H, m)	653.13	653.12	653.11	652.97	652.95	652.95	653.00	653.00	653.00
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)	0.80	0.50	0.50	0.20	0.68	0.61	0.52	0.41	0.29
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)				0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Định Bình	Mực nước (H, m)				68.41	68.38	68.37	68.35	68.34	68.34
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)				6.00	5.88	4.43	3.78	5.20	6.38
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)				7.00	7.00	7.00	7.00	7.00	7.00
Núi Một	Mực nước (H, m)				36.95	36.90	36.90	36.90	36.95	36.95
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)				0.01	0.08	0.11	0.09	0.07	0.05
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)				0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Thuận Ninh	Mực nước (H, m)				60.32	60.25	60.25	60.25	60.25	60.30
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)				0.01	0.37	0.35	0.31	0.27	0.22
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)				0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Văn Phong	Mực nước (H, m)				25.00	24.90	24.85	24.85	24.85	24.80
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)				22.04	21.81	21.33	20.66	20.46	19.97
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)				31.85	26.30	21.30	21.30	21.30	21.30

II - Hiện trạng công trình

1) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn A tại thời điểm phát bản tin

- Mực nước: 766.77 m
- Lưu lượng đến hồ: 0.72 m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

2) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn B tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 816.31 m
- Lưu lượng đến hồ: 0.54 m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

3) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn C tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 972.50 m
- Lưu lượng đến hồ: 1.24 m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

4) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn 4 tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: m
- Lưu lượng đến hồ: m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

5) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn 5 tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 153.30 m
- Lưu lượng đến hồ: m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

6) Hồ chứa thủy điện Trà Xom 1 tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 652.97 m
- Lưu lượng đến hồ: 0.20 m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

7) Hồ chứa thủy điện Định Bình tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 68.41 m
- Lưu lượng đến hồ: 6.00 m³/s

- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

8) Hồ chứa thủy điện Núi Một tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 36.95 m
- Lưu lượng đến hồ: 0.01 m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

9) Hồ chứa thủy điện Thuận Ninh tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 60.32 m
- Lưu lượng đến hồ: 0.01 m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

10) Hồ chứa thủy điện Văn Phong tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 25.00 m
- Lưu lượng đến hồ: m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa